

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT [ĐỌC TIẾNG TRUNG 2]

Mã học phần: CRE32022– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 1

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Đọc tiếng Trung 2 nhằm giúp người học:

- G1: Đọc hiểu nội dung bài đọc tương đối dài, độ khó trung bình bằng tiếng Trung, đọc hiểu văn bản bằng tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống và công việc
- G2: Có kiến thức từ vựng phong phú theo các chủ đề, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, hiểu ý nghĩa của các câu ngắn ngữ, thành ngữ, danh ngôn tiếng Hán trong học phần.
- G3: Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin liên quan đến môn học.
- G4: Hiểu được đặc điểm, ý nghĩa cũng như tầm quan trọng của kỹ năng Đọc
- G5: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- G6: Biết vận dụng kỹ năng và kiến thức tiếp nhận trong quá trình học tập vào thực tiễn cuộc sống và phục vụ công việc

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thức; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Kỹ năng Đọc 2 phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở kỹ năng Đọc
- a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.
- a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.

3.2 Kỹ năng

- b1: Đọc hiểu nội dung bài đọc tương đối dài, độ khó trung bình bằng tiếng Trung, đọc hiểu văn bản bằng tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống và công việc

- b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...
- b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.
- b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.
- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.
- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.
- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Giáo trình chính

[4.1.1]. 周小兵, 《汉语中级阅读教程》II, 北京语言大学出版社, 2008

4.2. Tài liệu tham khảo

[4.2.1]. 吴成年, 《读报纸学中文——中级汉语报刊阅读》上册·北京大学出版社·2004

5. Nội dung kế hoạch dạy học

Thời lượng: 30 tiết; 1 Tiết/bài

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
05 tiết	<p>第一章：抓主要观点</p> <p>第三十一课：抓主词或词组</p> <p>第三十二课：抓主句</p> <p>第三十三课：归纳主要观点</p> <p>第三十四课：避免相关观点的干扰</p> <p>第三十五课：文章结构</p>	<p>Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về cách xác định quan điểm chủ yếu của đoạn văn, bài văn, gồm xác định câu chủ đề, quy nạp quan điểm chủ yếu của đoạn văn, loại trừ ảnh hưởng của nội dung gây nhiễu đến người đọc, xác định kết cấu của đoạn văn hoặc bài văn</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt quan điểm chủ yếu của đoạn văn, bài văn, gồm xác định câu chủ đề, quy nạp quan điểm chủ yếu của đoạn văn, loại trừ ảnh hưởng của nội dung gây nhiễu đến người đọc, xác định kết cấu của đoạn văn hoặc bài văn</p>
07 tiết	<p>第二章：抓标志词</p> <p>第三十六课：标志词</p> <p>第三十七课：重复和补充</p> <p>第三十八课：顺序与分类</p> <p>第三十九课：原因与信息来源依据</p> <p>第四十课：转折与对比</p> <p>第四十一课：结论与概括</p> <p>第四十二课：单元复习</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt từ chủ điểm trong đoạn văn, bài văn, gồm: trùng điệp và bổ sung, thứ tự sắp xếp và phân loại, chuyển tiếp và so sánh, kết luận và khái quát.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập.</p> <p>- Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, cách thức tiến hành nắm bắt từ chủ điểm trong đoạn văn, bài văn, gồm: trùng điệp và bổ sung, thứ tự sắp xếp và phân loại, chuyển tiếp và so sánh, kết luận và khái quát.</p>

<p>04 tiết</p>	<p>第三章：推测 第四十三课：推测 第四十四课：推测的分类 第四十五课：意义的重复、对应与递进 第四十六课：句子之间的关系和形式</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức dự đoán ý nghĩa của đoạn văn, bài văn, gồm: trùng lặp, đối ứng và đệ tiến về ý nghĩa, mối quan hệ và hình thức liên kết giữa các câu. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức dự đoán ý nghĩa của đoạn văn, bài văn, gồm: trùng lặp, đối ứng và đệ tiến về ý nghĩa, mối quan hệ và hình thức liên kết giữa các câu.</p>
<p>03 tiết</p>	<p>第四章：评读 第四十七课：区别事实与意见 第四十八课：作者的意图、态度和语气 第四十九课：单元复习</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc đánh giá, gồm: phân biệt giữa thực tế và ý kiến, xác định ý đồ, thái độ và ngữ khí của tác giả. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc đánh giá, gồm: phân biệt giữa thực tế và ý kiến, xác định ý đồ, thái độ và ngữ khí của tác giả.</p>
<p>06 tiết</p>	<p>第五章：视幅 第五十课：按词切分句子 第五十一课：按词阅读 第五十二课：按六大成分切分句子 第五十三课：按六大成分阅读 第五十四课：按三大成分切分句子 第五十五课：按三大成分阅读</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc phân tách thành phần, gồm: đọc phân tách câu theo đơn vị từ, theo sáu thành phần chính hoặc theo ba thành phần chủ yếu của câu. - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm được mục tiêu, cơ sở lý luận, cách thức đọc phân tách thành phần, gồm: đọc phân tách câu theo đơn vị từ, theo sáu thành phần chính hoặc theo ba thành phần chủ yếu của câu.</p>

<p>05 tiết</p>	<p>第六章：文章阅读 第五十六课：说明文的阅读 第五十七课：议论文的阅读 第五十八课：新闻阅读 第五十九课：散文阅读 第六十课：单元复习</p>	<p>-Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về hình thức, nội dung các thể loại văn bản cơ bản gồm văn thuyết minh, văn nghị luận, văn bản báo chí, tản văn... - Dạy học theo phương pháp hướng dẫn mô phỏng trực tiếp, giáo viên thị phạm các kỹ năng đọc thông qua hệ thống bài luyện tập. - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm, yêu cầu hai sinh viên cùng thảo luận, thực hành kỹ năng đọc đã được hướng dẫn.</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,...</p>	<p>- Nắm bắt hình thức, nội dung các thể loại văn bản cơ bản gồm văn thuyết minh, văn nghị luận, văn bản báo chí, tản văn...</p>
-----------------------	---	--	---	--

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra											
			a1	a2	a3	b1	b2	b3	b4	c1	c2	c3	c4	
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Trắc nghiệm	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%												

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, b2, Tỷ lệ: **25%** điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng đọc hiểu của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 31 đến bài 45)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2 Tỷ lệ **25%** điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng tiếp tục từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng đọc hiểu của sinh viên ở cấp độ HSK4 (từ bài 46 đến bài 60)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
 - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào đọc hiểu và giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
 - o Đánh giá khả năng làm việc nhóm.
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; a3; b1; b2; b3; b4; c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Có kiến thức tiếng Trung Quốc đạt trình độ năng lực Hán ngữ (HSK) cấp 4 theo Khung năng lực tiếng Hán 6 bậc ở kỹ năng Đọc	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.					
a3: Biết sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và một số dịch vụ Internet hỗ trợ việc học tập, tra cứu; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại.	Áp dụng tốt	Áp dụng khá tốt	Áp dụng ở mức trung bình	Áp dụng ở mức hạn chế	Áp dụng rất hạn chế
b1: Đọc hiểu nội dung bài đọc tương đối dài, độ khó trung bình bằng tiếng Trung, đọc hiểu văn bản bằng tiếng Trung thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong thực tế cuộc sống và công việc	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b3: Có kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo, có khả năng lập luận, tư duy khoa học, làm việc độc lập, có năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi theo hướng tích cực trong nghề nghiệp.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b4: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
cộng đồng, với môi trường.					
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):

Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:

+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa

+ projector

+ Loa, Đài cassette

+ Lớp học không quá 35 sinh viên

- Yêu cầu đối với sinh viên:

+ Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.

+ Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

+ Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

+ Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học

+ Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia xây dựng bài

+ Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ

- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học
- + Làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

An toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn. Chống bạo lực học đường

11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên